

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUỐC TẾ IVINA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUỐC TẾ IVINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IVINA INTERNATIONAL EDUCATION AND TRAINING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: IIEC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107507145

**3. Ngày thành lập:** 14/07/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà A23/D5 Trần Thái Tông, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01667480265

Fax:

Email: [info@ivina.com](mailto:info@ivina.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu:<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa<br>- hoạt động liên quan khác như: Dịch vụ làm hộ chiếu, thị thực, giấy thông hành | 5229     |
| 2.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5510     |
| 3.  | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5590     |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5610     |
| 5.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621     |
| 6.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5630     |
| 7.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                                                                           | 6329     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4610        |
| 9.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ<br>- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật mang tính thương mại                                                                                                                                                                                                            | 4773        |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230        |
| 11. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8532        |
| 12. | Giáo dục thể thao và giải trí<br>Chi tiết:<br>- Dạy các môn thể thao<br>- Dạy thể thao, cắm trại;<br>- Hướng dẫn cổ vũ;<br>- Dạy thể dục;<br>- Dạy cưỡi ngựa;<br>- Dạy bơi;<br>- Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp;<br>- Dạy võ thuật;<br>- Dạy yoga.                                                                                                                           | 8551        |
| 13. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>Chi tiết:<br>- Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác;<br>- Dạy hội hoạ;<br>- Dạy nhảy;<br>- Dạy kịch;<br>- Dạy Mỹ thuật;<br>- Dạy nghệ thuật biểu diễn;<br>- Dạy nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                             | 8552        |
| 14. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Đào tạo kỹ năng sống | 8559(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>+ Tư vấn du học<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. | 8560 |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                        | 7320 |
| 18. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Hoạt động phiên dịch<br>Hoạt động môi giới thương mại                                                                                                                   | 7490 |
| 19. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                  | 7911 |
| 20. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                           | 7912 |
| 21. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                    | 7920 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ HÀ   | Nhà số 3, ngõ 1, đường Trần Phú, phố Nguyễn Trãi 2, Phường Sao Đỏ, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 3.000      | 300.000.000           | 25,000    | 141981143                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                                              | Tổng số           | 3.000      | 300.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                                                            |                   |       |             |        |              |  |
|---|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | HỨA THỊ CHÍNH       | Nhà số 5 ngõ 121 Nguyễn Phong Sắc, tổ 38, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 3.000 | 300.000.000 | 25,000 | 008179000033 |  |
|   |                     |                                                                                                                            | Tổng số           | 3.000 | 300.000.000 | 25,000 |              |  |
|   |                     |                                                                                                                            |                   |       |             |        |              |  |
| 3 | LƯU THỊ QUỲNH TRANG | Số 4, tổ 30, khu đô thị Đồng Tàu, ngõ 1141 Đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Tổng số           | 3.000 | 300.000.000 | 25,000 | 012987192    |  |
|   |                     |                                                                                                                            | Cổ phần phổ thông | 3.000 | 300.000.000 | 25,000 |              |  |
|   |                     |                                                                                                                            |                   |       |             |        |              |  |
| 4 | PHẠM THỊ HÀ         | Số 16 ngách 1194/63 Láng Thượng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông | 3.000 | 300.000.000 | 25,000 | 013135822    |  |
|   |                     |                                                                                                                            | Tổng số           | 3.000 | 300.000.000 | 25,000 |              |  |
|   |                     |                                                                                                                            |                   |       |             |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ THỊ HÀ** Giới tính: *Nữ*  
 Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*  
 Sinh ngày: *11/04/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: *141981143*  
 Ngày cấp: *18/04/2009* Nơi cấp: *Công an tỉnh Hải Dương*  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Nhà số 3, ngõ 1, đường Trần Phú, phố Nguyễn Trãi 2, Phường Sao Đỏ, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *P201-Ct4 Khu đô thị Đặng Xá, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội